UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:9471 /STC - QLCS V/v triển khai kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý	*Hải Phòng, ngày 5 tháng 12 năm 2025*

Kính gửi:
- Văn phòng Đại biểu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Các Doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Căn cứ Quyết định số 4614/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư quản lý thuộc phạm vi quản lý của thành phố;

Căn cứ Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026;

Thực hiện Văn bản số 18607/BTC-QLCS ngày 30/11/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026 *(Gửi kèm theo)*,

Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị một số nội dung về biểu mẫu, chỉ tiêu kiểm kê như sau:

1. Mẫu biểu kiểm kê:

1.1. Mẫu biên bản kiểm kê (Phụ lục kèm theo Văn bản số 18607/BTC-QLCS ngày 30/11/2025 của Bộ Tài chính):

1.1.1. Sở Xây dựng hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê: 01-BB/TSCĐ, 02-BB/HTĐB, 04-BB/HTĐSĐT, 05-BB/HTĐT, 06-BB/HTHK, 07-BB/HTHH, 08-BB/HTNS, 19-BB/HTNĐT.

1.1.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê: 01-BB/TSCĐ, 08-BB/HTNS, 09-BB/HTTL, 16-BB/HTĐĐ, 17-BB/HTCC.

1.1.3. Sở Công thương hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê: 01-BB/TSCĐ, 10-BB/HTTMC, 11-BB/HTCCN.

1.1.4. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê: 01-BB/TSCĐ, 14-BB/HTKCNC, 15-BB/HTTTTT.

1.1.5. Sở Văn hoá và Thể thao hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê: 01-BB/TSCĐ, 18-BB/HTVHTT.

1.1.6. Ban quản lý khu kinh tế hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê: 01-BB/TSCĐ, 12-BB/HTKCN, 13-BB/HTKKT.

1.1.7. Văn phòng Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, các sở còn lại, các ban, ngành thành phố, các Tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê: 01-BB/TSCĐ.

1.1.8. Văn phòng Thành uỷ hướng dẫn các đơn vị và các doanh nghiệp trực thuộc thực hiện các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê: 01-BB/TSCĐ; Các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có): 02-BB/HTĐB, 04-BB/HTĐSĐT, 05-BB/HTĐT, 08-BB/HTNS, 09-BB/HTTL, 10-BB/HTTMC, 11-BB/HTCCN, 12-BB/HTKCN, 13-BB/HTKKT, 14-BB/HTKCNC, 15-BB/HTTTTT, 16-BB/HTĐĐ, 17-BB/HTCC, 18-BB/HTVHTT, 19-BB/HTNĐT.

1.1.9. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Uỷ ban nhân dân thành phố, các doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê: 01-BB/TSCĐ; Các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có): 02-BB/HTĐB, 04-BB/HTĐSĐT, 05-BB/HTĐT, 08-BB/HTNS, 09-BB/HTTL, 10-BB/HTTMC, 11-BB/HTCCN, 12-BB/HTKCN, 13-BB/HTKKT, 14-BB/HTKCNC, 15-BB/HTTTTT, 16-BB/HTĐĐ, 17-BB/HTCC, 18-BB/HTVHTT, 19-BB/HTNĐT.

1.1.10. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê: 01-BB/TSCĐ; Các Biểu mẫu Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có): 02-BB/HTĐB, 04-

BB/HTĐSĐT, 05-BB/HTĐT, 08-BB/HTNS, 09-BB/HTTL, 10-BB/HTTMC, 11-BB/HTCCN, 12-BB/HTKCN, 13-BB/HTKKT, 14-BB/HTKCNC, 15-BB/HTTTTT, 16-BB/HTĐĐ, 17-BB/HTCC, 18-BB/HTVHTT, 19-BB/HTNĐT.

1.2. Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê (Phụ lục kèm theo Văn bản số 18607/BTC-QLCS ngày 30/11/2025 của Bộ Tài chính):

1.2.1. Sở Xây dựng hướng dẫn:

- Đối tượng thực hiện kiểm kê thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: 01a-BC/TSCĐ, 02a-BC/HTĐB, 04a-BC/HTĐSĐT, 05a-BC/HTĐT, 06a-BC/HTHK, 07a-BC/HTHH, 08a-BC/HTNS, 19a-BC/HTNĐT.

- Đơn vị tổng hợp thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: mã 01, 02, 04, 05, 06, 07, 08, 19 (từ b đến đ).

1.2.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn:

- Đối tượng thực hiện kiểm kê thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: 01a-BC/TSCĐ, 08a-BC/HTNS, 09a-BC/HTTL, 16a-BC/HTĐĐ, 17a-BC/HTCC.

- Đơn vị tổng hợp thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: mã 01, 08, 09, 16, 17 (từ b đến đ).

1.2.3. Sở Công thương hướng dẫn:

- Đối tượng thực hiện kiểm kê thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: 01a-BC/TSCĐ, 10a-BC/HTTMC, 11a-BC/HTCCN.

- Đơn vị tổng hợp thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: mã 01, 10, 11 (từ b đến đ).

1.2.4. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn:

- Đối tượng thực hiện kiểm kê thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: 01a-BC/TSCĐ, 14a-BC/HTKCNC, 15a-BC/HTTTTT.

- Đơn vị tổng hợp thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: mã 01, 14, 15 (từ b đến đ).

1.2.5. Sở Văn hoá và Thể thao hướng dẫn:

- Đối tượng thực hiện kiểm kê thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: 01a-BC/TSCĐ, 18a-BC/HTVHTT.

- Đơn vị tổng hợp thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: mã 01, 18 (từ b đến đ).

1.2.6. Ban quản lý khu kinh tế hướng dẫn:

- Đối tượng thực hiện kiểm kê thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: 01a-BC/TSCĐ, 12a-BC/HTKCN, 13a-BC/HTKKT.

- Đơn vị tổng hợp thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: mã 01, 12, 13 (từ b đến đ).

1.2.7. Văn phòng Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Các sở còn lại, các ban, ngành thành phố, các Tổ chức chính trị -xã hội thuộc thành phố hướng dẫn:

- Đối tượng thực hiện kiểm kê thực hiện mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: 01a-BC/TSCĐ.

- Đơn vị tổng hợp thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: mã 01 (từ b đến đ).

1.2.8. Văn phòng Thành uỷ hướng dẫn:

- Đối tượng thực hiện kiểm kê thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: 01a-BC/TSCĐ; các mẫu báo cáo kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có): mã 02, 04, 05, 08, 09, 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19 (mẫu a).

- Đơn vị tổng hợp thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: mã 01 (từ b đến đ); các mẫu báo cáo kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có): mã 02, 04, 05, 08, 09, 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19 (từ b đến đ).

1.2.9. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Uỷ ban nhân dân thành phố, các doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê chi tiết và tổng hợp: mẫu báo cáo kiểm kê tài sản cố định mã 01 (từ a đến đ); các mẫu báo cáo kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có): mã 02, 04, 05, 08, 09, 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19 (từ a đến đ).

1.2.10. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu hướng dẫn:

- Đối tượng thực hiện kiểm kê thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: 01a-BC/TSCĐ; 02a-BC/HTĐB, 04a-BC/HTĐSĐT, 05a-BC/HTĐT, 08a-BC/HTNS, 09a-BC/HTTL, 10a-BC/HTTMC, 11a-BC/HTCCN, 12a-BC/HTKCN, 13a-BC/HTKKT, 14a-BC/HTKCNC, 15a-BC/HTTTTT, 16a-BC/HTĐĐ, 17a-BC/HTCC, 18a-BC/HTVHTT, 19a-BC/HTNĐT.

- Đơn vị tổng hợp thực hiện các mẫu báo cáo kết quả kiểm kê: mã 01, 02, 04, 05, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 (từ b đến đ).

2. Xác định chỉ tiêu về giá trị tài sản tại các mẫu, biểu:

2.1. Về việc xác định các chỉ tiêu tại các mẫu, biểu: Thực hiện theo hướng dẫn tại Mục IV Phụ lục kèm theo Văn bản số 18607/BTC-QLCS ngày 30/11/2025 của Bộ Tài chính.

2.2. Một số lưu ý khi kiểm kê:

2.2.1. Chỉ tiêu "Mã đơn vị quản lý tài sản theo kết quả Tổng kiểm kê năm 2025" là Mã đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025 được định danh trong Phần mềm Tổng kiểm kê tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025. Cách ghi chỉ tiêu: Ghi mã đơn vị quản lý tài sản đã được định danh tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025, cụ thể: (1) Trường hợp đơn vị mới được sáp nhập từ 2 đơn vị trở lên thì tài sản tiếp nhận của đơn vị nào ghi mã của đơn vị quản lý tài sản đó tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025. Ví dụ: Xã A (mới) được hình thành từ xã B (cũ) và xã C (cũ), trong đó xã A được tiếp nhận toàn bộ tài sản của xã B (cũ), xã C (cũ) và một phần tài sản của huyện D thì những tài sản tiếp nhận từ xã B ghi mã đơn vị quản lý tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025 là mã đơn vị của xã B, những tài sản tiếp nhận từ xã C thì ghi mã đơn vị quản lý tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025 là mã đơn vị của xã C, những tài sản tiếp nhận từ huyện D thì ghi mã đơn vị quản lý tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025 là mã đơn vị của huyện D. (2) Trường hợp đơn vị không thuộc đối tượng chia tách, sáp nhập thì điền mã đơn vị mình vào cột này. Lưu ý: Đối với những tài sản mua sắm mới sau thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025 không điền chỉ tiêu này

(Gửi kèm theo Danh sách mã đơn vị quản lý tài sản được định danh trong Phần mềm Tổng kiểm kê tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2025)

2.2.2. Chỉ tiêu "Chịu ảnh hưởng thiên tai từ năm 2023-2025" là chỉ tiêu áp dụng cho các tài sản là nhà, công trình xây dựng thuộc các nhóm tài sản kiểm kê chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai (bão, lũ, lụt,...) và phải bỏ chi phí khắc phục hậu quả. Đây là chỉ tiêu mang tính chất thống kê để tổng hợp về tần suất đã bị ảnh hưởng thiên tai của nhà, công trình trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2025. Với các chỉ tiêu chi tiết gồm: Có bị ảnh hưởng; Không bị ảnh hưởng; Số lần bị ảnh hưởng. Chi tiết cách ghi chỉ tiêu: Điền số "1" vào Cột "Có" (nếu có chịu ảnh hưởng bởi thiên tai) hoặc "Không" (nếu không chịu ảnh hưởng bởi thiên tai). Nếu chọn cột "Có" thì điền tiếp số lần chịu ảnh hưởng bởi thiên tai vào cột "Số lần xảy ra (nếu có)".

Căn cứ xác định thiệt hại do thiên tai gây ra được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ

Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Tài chính) về việc hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

2.2.3. Chỉ tiêu "Tài sản trên đất" phục vụ công tác gán nhà, công trình xây dựng trên đất với "Đất" để tổng hợp thông tin đối với đất và nhà, công trình gắn với khuôn viên đất đó tại các Mẫu số 01, Mẫu số 18, Mẫu số 20; theo đó: Tại cột chỉ tiêu này, đối với đất và nhà, công trình trên khuôn viên đất đó thì được ghi cùng một chữ số (bắt đầu từ chữ số "1").

Ví dụ: Tại biểu Mẫu số 01: Đối với tài sản là đất, tại cột chỉ tiêu (25) đánh số thứ tự cho từng khuôn viên đất (Từ chữ số "1" tăng dần đến hết), đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng trên đất thì nhà, công trình được xây dựng trên khuôn viên đất nào, tại cột chỉ tiêu này được ghi theo số thứ tự của khuôn viên đất ấy. Ví dụ: đơn vị quản lý 02 khuôn viên đất thì tại cột chỉ tiêu (25) đánh số thứ tự cho 02 khuôn viên đất lần lượt là 1 và 2. Các tài sản là nhà, công trình xây dựng trên khuôn viên đất số 1 tại cột (25) thì cũng được ghi tương ứng là số 1 tại cột (25); các tài sản là nhà, công trình xây dựng trên khuôn viên đất số 2 tại cột (25) thì cũng được ghi tương ứng là số 2 tại cột (25).

2.2.4. Trường hợp các tài sản đã được bàn giao, tiếp nhận theo các Quyết định chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý hoặc Quyết định thu hồi nhưng chưa giao cho đơn vị quản lý, sử dụng tài sản, chỉ giao cho đơn vị tạm quản lý (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã,...) thì được kiểm kê theo Mẫu số 20. Tài sản được giao quản lý, xử lý.

2.2.5. Đối với tài sản tại các cơ sở giáo dục hình thành từ việc tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân (không bao gồm tài sản của các tổ chức, cá nhân khác lắp đặt nhưng không bàn giao, tài trợ cho cơ sở giáo dục) thì thực hiện kiểm kê theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (trường hợp có văn bản thay thế thì thực hiện theo văn bản thay thế).

2.2.6. Đối với loại tài sản Đất: (i) Không lựa chọn tình trạng tài sản là: "Hỏng, không sử dụng được"; (ii) Trường hợp các khuôn viên đất đơn vị đang quản lý, sử dụng nhưng chưa có hồ sơ giấy tờ thì vẫn thực hiện kiểm kê.

2.2.7. Đối với tài sản do Ủy ban nhân cấp xã đang được giao quản lý như: Nhà tưởng niệm, Đài tưởng niệm, sân chơi trẻ em, vườn hoa công cộng, đường thôn, xóm, đường nội đồng, công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, mương xóm,.. thì không thực hiện kiểm kê đối với những tài sản này.

2.2.8. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng: Các đối tượng quản lý/tạm quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện kiểm kê đối với các tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý mà đơn vị mình đang quản lý/tạm quản lý (bao gồm cả tài sản kết cấu hạ tầng được hình thành từ việc đóng góp tự nguyện của nhân dân). Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng do nhân dân tự huy động, đầu tư xây dựng, Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí, nguyên vật liệu,… để đầu tư xây dựng; tài sản được giao cho doanh nghiệp theo hình thức nhận nợ (bao gồm cả trường hợp chưa thanh toán hết nợ) thì không thuộc phạm vi kiểm kê.

2.2.9. Gắn mã QR đối với từng tài sản theo nguyên tắc: Mỗi tài sản kiểm kê sau khi nhập thông tin lên Phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công (gọi là Phần mềm TKK) sẽ được Phần mềm tự động sinh ra một mã QR. Sau khi nhập thông tin tài sản lên Phần mềm TKK, đơn vị kiểm kê có trách nhiệm in mã QR do Phần mềm TKK sinh ra để dán lên tài sản đã kiểm kê; trường hợp tài sản là hệ thống gồm nhiều bộ phận thì phần mềm sẽ sinh mã 01 mã QR cho hệ thống, đơn vị dán mã QR lên từng bộ phận hoặc bộ phận chính của hệ thống đó; đối với các tài sản là tài sản cố định vô hình thì sau khi lấy mã QR của tài sản từ Phần mềm TKK, đơn vị kiểm kê thực hiện lưu trữ mã QR cùng hồ sơ của tài sản. Việc dán mã QR cho tài sản hữu hình phải bảo đảm dễ nhận biết, đồng thời đảm bảo an toàn. Đây là cơ sở để tra cứu thông tin tài sản và thực hiện kiểm kê trong các năm tiếp theo.

2.2.10. Đối với trường hợp sau sắp xếp tinh gọn bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp mà tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý tới thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026 (trừ các tài sản đã quy định tại tiết d điểm 6 Mục này) chưa được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định giao tài sản cho đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng thì giao cho đơn vị đang sử dụng có trách nhiệm kiểm kê.

2.2.11. Đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị đã hạch toán riêng giá trị nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thành một (1) tài sản riêng (không thực hiện điều chỉnh nguyên giá tài sản cố định được nâng cấp, mở rộng theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC) thì thực hiện cộng giá trị nâng cấp, mở rộng vào nguyên giá của tài sản được nâng cấp, mở rộng, giá trị còn lại đã theo dõi của phần nâng cấp, mở rộng vào giá trị còn lại của tài sản được nâng cấp, mở rộng.

2.2.12. Thực hiện kiểm kê các loại phần mềm (gồm: Phần mềm hệ thống, Phần mềm tiện ích, Phần mềm ứng dụng và các Phần mềm khác) vào nhóm “Phần mềm ứng dụng” tại các Biểu mẫu số 01 về tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và áp dụng tỷ lệ tính hao mòn của loại “Phần mềm ứng dụng” để làm cơ sở xác định giá trị còn lại của tài sản..

3. Đối tượng thực hiện kiểm kê:

Đối tượng thực hiện kiểm kê được xác định theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 3531/QĐ-BTC ngày 17/10/2025 và chi tiết theo biểu mẫu kiểm kê kèm theo Văn bản số 18607/BTC-QLCS ngày 30/11/2025 của Bộ Tài chính.

Thủ trưởng đối tượng thực hiện kiểm kê quyết định thành lập Tổ kiểm kê để thực hiện kiểm kê tài sản thuộc phạm vi kiểm kê do mình đang trực tiếp quản lý/tạm quản lý và chịu trách nhiệm về số liệu kiểm kê; thành phần Tổ kiểm kê do Thủ trưởng đối tượng thực hiện kiểm kê quyết định cụ thể căn cứ vào tính chất, đặc điểm, quy mô và thực tế quản lý tài sản.

4. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiểm kê:

- Đối tượng thực hiện kiểm kê có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm kê cho cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên (sau đây gọi là cơ quan quản lý cấp trên) (nếu có cơ quan quản lý cấp trên) hoặc Sở Tài chính (nếu không có cơ quan quản lý cấp trên).

- Cơ quan quản lý cấp trên chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản do cơ quan mình đang quản lý/tạm quản lý và kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp cấp dưới gửi Sở Tài chính tổng hợp.

- Văn phòng Thành uỷ chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng thành ủy và đơn vị sự nghiệp của Đảng trực thuộc Thành ủy.

- Uỷ ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của xã, Đảng ủy cấp xã, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã).

- Việc tổng hợp kết quả tổng kiểm kê được thực hiện thống nhất trên ứng dụng công nghệ thông tin (Phần mềm Tổng kiểm kê tài sản) do Bộ Tài chính triển khai miễn phí tới các đối tượng thực hiện kiểm kê, cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê.

5. Thời hạn kiểm kê, tổng hợp kết quả, báo cáo kiểm kê và tổ chức thực hiện:

5.1. Thời hạn kiểm kê, tổng hợp kết quả, báo cáo kiểm kê và tổ chức thực hiện: Thực hiện theo Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 14/11/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026.

5.2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Văn bản này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

5.3. Đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố, Uỷ ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện hướng dẫn tại văn bản này.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để phối hợp xử lý theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND TP (để b/cáo);
- Giám đốc sở (để b/cáo);
- Phó Giám đốc sở Nguyễn Đồng Kim;
- Lưu: VT, QLCS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Đồng Kim